

CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM  
ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ

-----



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM BÁO CÁO 2018**

**KHÁNH HÒA, THÁNG 3/2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**  
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc – xã Vĩnh Phương – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0258. 6256699

Fax : 0258. 6251235

Email : [ctybtlt.dkh@gmail.com](mailto:ctybtlt.dkh@gmail.com)

Website : [www.kpceco.com.vn](http://www.kpceco.com.vn)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Phụ lục số 04 theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA** **Năm báo cáo : 2018**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

##### *1. Thông tin khái quát:*

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Giấy CN ĐKDN : 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/5/2011.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu : **30.927.115.728** đồng

Trụ sở chính : Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc - Xã Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ giao dịch : Tầng 5, tòa nhà VCN - KĐT Vĩnh Diêm Trung – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0258. 6256699

Fax: 0258. 6251235

Website : [www.kpceco.com.vn](http://www.kpceco.com.vn)

Mã cổ phiếu : KCE

Logo :



##### *2. Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vuông thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyên sản xuất Bê tông ly tâm;

- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang ) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;

- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông : Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa” được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang vào tháng 12/2008;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển giao;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đắc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2009 ngày 28/5/2009 Đại hội đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ Công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 1.

- Ngày 20/5/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 2 .

- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;

- Vận tải hàng hóa đường bộ;

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Xây lắp công nghiệp;

b. Địa bàn kinh doanh:

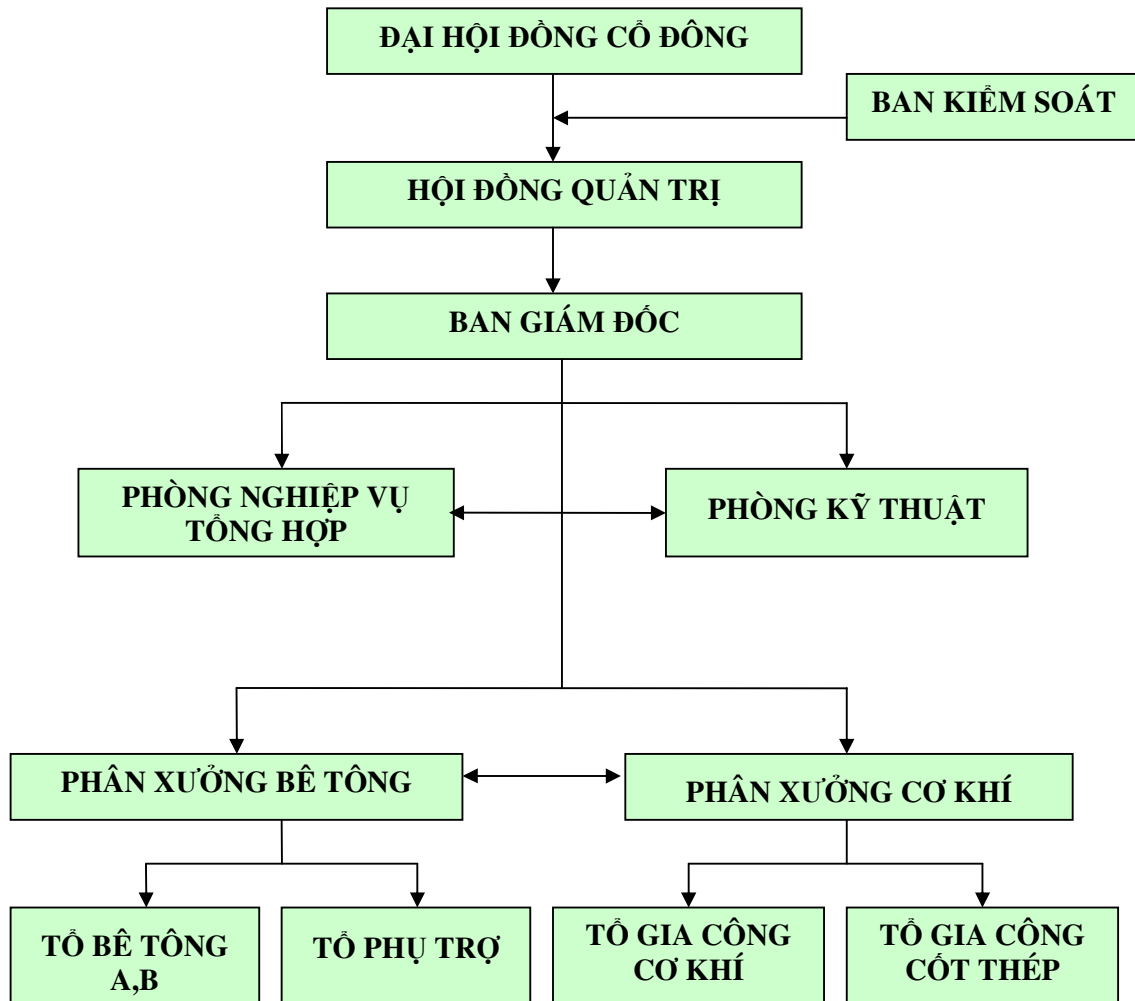
- Chủ yếu là cung cấp sản phẩm cho các công trình của TP. Nha Trang, TP. Cam Ranh và các huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Công ty có cung cấp sản phẩm cho một số tỉnh lân cận như:

- Tỉnh Ninh Thuận
- Tỉnh Bình Thuận
- Tỉnh Đắk Lắk
- Tỉnh Phú Yên.....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

**\*Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;
- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

**\*Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh

**\*Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

#### **\* Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

#### **\* Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

##### **a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp**

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

##### **b. Phòng Kỹ thuật**

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Phối hợp với Phân xưởng cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;
- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;

- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

### c. **Khởi sản xuất**

**Khởi sản xuất bao gồm hai phân xưởng:** Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

**\*Phân xưởng bê tông** gồm các tổ:

**Tổ bê tông** gồm:

- + Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn
- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lắp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

**Tổ phụ trợ** gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, cổng trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

**\*Phân xưởng cơ khí** gồm các tổ:

**Tổ cốt thép** gồm:

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống công
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

**Tổ gia công cơ khí, sửa chữa** gồm:

- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

### 5. **Định hướng phát triển:**

Mục tiêu của Công ty :

- Mục tiêu trước mắt : Năm 2019, Công ty tiếp tục giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Mục tiêu lâu dài: Thực hiện tốt công tác Marketing, mở rộng thị phần : tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuất ... để Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm

bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm; mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

- Chiến lược phát triển : Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Nghiên cứu, tiến tới tham gia hoạt động xây lắp và dịch vụ nhằm quảng bá sản phẩm, tạo uy tín cho Công ty, giảm rủi ro trong kinh doanh và hỗ trợ tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cho sự thành công của Doanh nghiệp. Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như có điều kiện thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Công ty có kế hoạch cử cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của toàn Công ty.

## 6. Các rủi ro:

### 6.1. Rủi ro kinh tế

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa với các sản phẩm gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Năm 2018 các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng của tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được triển khai và mở rộng tập trung là các dự án các khu tái định cư, khu đô thị mới, các dự án nhà ở xã hội.

### 6.2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam là một nước đang phát triển, Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, Luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 6.3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là rất lớn. Năm 2018 với sự khan hiếm một số nguyên vật liệu đầu vào, làm giá cả nguyên vật liệu trên thị trường có sự biến động gây ra những tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc thù của ngành như vậy, nên Công ty rất quan tâm và cẩn trọng trong ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn để giảm thiểu những thiệt hại do biến động giá gây ra.

Với vai trò là nhà sản xuất sản phẩm bê tông phục vụ cho nhiều đơn vị xây lắp, thi công với các dự án có thời hạn kéo dài thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng này phải mất rất nhiều thời gian, phần nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu cũng như dòng tiền hoạt động. Tuy nhiên, do không phải là nhà thầu chính nên Công ty có thể giảm thiểu được rủi ro này bằng cách cố gắng theo dõi sát sao và đốc thúc việc thu hồi công nợ đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của Công ty.



Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc tiêu thụ một lượng lớn các sản phẩm bê tông ly tâm. Điều này sẽ làm cho lĩnh vực sản xuất bê tông ly tâm trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, gây sức ép cạnh tranh đối với Công ty.

#### 6.4. Rủi ro khác

Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất ...v...v... Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như các hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo...

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	55.000.000.000	69.954.581.399	127,19%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.272.000.000	3.601.991.516	110,09%
3	Mức chia cổ tức ( <i>dự kiến</i> )	15 %		

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2018 cho thấy:

+ Doanh thu thuần thực hiện năm 2018 vượt 27,19% so với kế hoạch và chỉ đạt 86,7% so với năm 2017.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 vượt 10,09 % so với kế hoạch và chỉ đạt 81,12% so với năm 2017.

### 2. Tổ chức và nhân sự :

\* *Danh sách ban điều hành Công ty:*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
<b>I.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
01	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	26/04/2018	
02	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	01/10/2014	26/4/2018
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	26/04/2018	
04	Võ Trị	Thành viên HĐQT	26/04/2018	
<b>II.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban	26/04/2018	
02	Nguyễn Thanh Gân Em	Trưởng Ban	18/04/2013	26/04/2018
03	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	18/04/2013	26/04/2018
04	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên	18/04/2013	26/04/2018
05	Trịnh Giang Nam	Thành viên	26/04/2018	

06	Phan Đức Văn	Thành viên	26/04/2018	
<b>III. BAN GIÁM ĐỐC</b>				
01	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc Công ty	26/04/2018	
02	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc	22/04/2016	
03	Võ Trị	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	15/05/2017	

**\* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

**1. Ông : Lê Duy Cửu – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
- Số CMND : 361590767 do Công an TP. Cần Thơ cấp ngày 31/07/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/12/1976
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1999 – năm 2000 : Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
  - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
  - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2003 – năm 2005: Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2005 – năm 2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
  - + Năm 2016 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2016)

- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 30.000 cổ phần
  - + Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

## **2. Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải – Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI**
- Số CMND : 220014076 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/01/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 34/2/82 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (0258) 6256699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Trung cấp chuyên ngành Kỹ thuật điện Trường Đào tạo Điện lực Khánh Hòa.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1977 – năm 1981 : Học viên Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh
  - + Năm 1981 – năm 1994 : Tổ phó tổ gia công cơ khí PX.Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 1995 – năm 2005 : Quản đốc PX.Bê tông ly tâm – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
  - + Năm 2008 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 15.190 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

## **3. Ông Võ Trị – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty**

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**
- Số CMND : 220094623 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/06/2008

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/12/1962
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 34 Đường số 5, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 6256699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
  - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
  - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
  - + Năm 2008 – 14/5/2017 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
  - + Từ 15/5/2017 – 25/4/2018 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
  - + Từ 26/4/2018 đến nay : Thành viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 173.395 cổ phần, trong đó:
    - + Cá nhân : 173.395 cổ phần
    - + Ủy quyền : 0 cổ phần

#### **4. Ông : Nguyễn Thị Thúy Hằng – Trưởng Ban kiểm soát**

- Số CMND : 351254340 do Công an Tỉnh An Giang cấp ngày 24/08/2016
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 16/11/1978
- Nơi sinh : An Giang

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : 8/18 An Thới, Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0908 831 070
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2002 – 07/2003: Nhân viên phòng Kế toán – Công ty Nông súc sản XNK Cần Thơ
  - + Từ tháng 07/2003 – 08/2004: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
  - + Từ tháng 09/2004 – 12/2006: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp điện – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
  - + Từ tháng 01/2007 – 12/2007: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
  - + Từ tháng 01/2008 – đến nay: Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần

##### **5. Ông Trịnh Giang Nam – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **TRỊNH GIANG NAM**
- Số CMND : 220907654 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/08/2015
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/08/1975
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang, Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : Số 56 Sinh Trung, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0914 023 888
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 6/1999 – 6/2005: Kế toán viên tại Điện lực Khánh Hòa
  - + Từ tháng 7/2005 – 6/2007: Kế toán viên tại Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
  - + Từ tháng 7/2007 – 4/2010: Chuyên viên Tài chính kế toán tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
  - + Từ tháng 8/2008 đến nay: Trưởng ban kiểm soát- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
  - + Từ tháng 4/2010 đến nay: Phó trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát, Phó trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 0 cổ phần

#### **6. Ông Phan Đắc Văn – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **PHAN ĐẮC VĂN**
- Số CMND : 225205175 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 22/06/2015
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/11/1982
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 21B Lê Hồng Phong – P. Phước Hòa – TP. Nha Trang – T. Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0904 806 371
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Cao đẳng, chuyên ngành Kỹ thuật Công trình
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2003 - 2004 : Cán bộ Kỹ thuật tại Công ty TNHH TMDV Kỹ Thuật ABTech tại TP. HCM
  - + Từ năm 2005 - 2006: Cán bộ Kỹ thuật tại Công ty TNHH TVXD Không Gian Việt
  - + Từ năm 2007 - 2008 : cán bộ Kỹ thuật tại xí nghiệp xây lắp công nghiệp – công ty cổ phần điện lực khánh hòa
  - + Từ năm 2009 – 25/4/2018 : CB Kỹ thuật tại Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
  - \_ Từ 26/4/2018 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

– Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần

### **7. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HẢI**
- Số CMND : 220253537 do Công an TP. HCM cấp ngày 06/05/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/07/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 152/3 Hương Lộ Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (0258) 3.727.626
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Đại học chuyên ngành cơ khí nông nghiệp trường Đại học Nông nghiệp IV;
  - + Chứng chỉ đào tạo Anh văn TM BEC 1 trung tâm ngoại ngữ Hàn Thuyên;
  - + Chứng chỉ đào tạo Tin học lập trình Tin học SaMis
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1985 – năm 1992 : Nhân viên Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền Cam Ranh;
  - + Năm 1992 – năm 1995 : CBKT phân xưởng cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 1996 – năm 2005 : CBKT –P.Quản đốc xưởng SX BTLT thuộc đội XL Điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : P.Quản đốc PX. BTLT – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2008 – năm 2009 : Quản đốc PX.BTLT - Xí nghiệp xây lắp Công Nghiệp - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ;
  - + Năm 2009 – nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch : Phó Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 3.100 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 3.100 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

**\* Những thay đổi trong ban điều hành :**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
<b>I.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
01	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	26/04/2018	
02	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	01/10/2014	26/4/2018
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	26/04/2018	
04	Võ Trị	Thành viên HĐQT	26/04/2018	
<b>II.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban	26/04/2018	
02	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng Ban	18/04/2013	26/04/2018
03	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	18/04/2013	26/04/2018
04	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên	18/04/2013	26/04/2018
05	Trịnh Giang Nam	Thành viên	26/04/2018	
06	Phan Đắc Văn	Thành viên	26/04/2018	

**\* Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 101 người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động gián tiếp	17	16,83 %
2	Lao động trực tiếp	84	83,17 %
<b>Tổng cộng</b>		<b>101</b>	<b>100 %</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học	07	6,93%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	13	12,87%
3	Trình độ sơ cấp	04	3,96%
4	Công nhân có tay nghề	07	6,93%
5	Lao động phổ thông	70	69,31%
<b>Tổng cộng</b>		<b>101</b>	<b>100%</b>

**Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:**

**+ Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể yêu cầu



CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động .

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

**+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

**+ Chế độ phúc lợi**

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

**+ Chính sách đào tạo**

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyển sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất....

Toàn bộ CB CNV đều được huấn luyện an toàn lao động - vệ sinh lao động

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :**

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
01	Máy hàn tự động cốt thép cột điện	1,500,000,000	1,542,245,451	
02	Mua sắm khuôn các loại	1,500,000,000	970,598,044	
	Khuôn công D1000		115,607,002	
	Khuôn trụ 8,4m		179,545,857	
	Khuôn công đôi D600L=10,4m		245,677,185	
	Khuôn cọc D600 L=16m		675,200,000	

03	Mua sắm thiết bị khác PVSX	500,000,000	332,457,000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>3,090,732,495</b>	<b>88,30%</b>

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2018 đạt 88,30 % giảm 11,7 % so với kế hoạch. Do nhu cầu sản xuất phải đáp ứng tiến độ của khách hàng. Có một số hạng mục cần thực hiện thêm nhằm mở rộng nhà xưởng, khu vực của bộ phận của tổ cốt thép, mua sắm máy hàn nông cốt thép cột điện mới để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và một số thiết bị khác.

#### 4. Tình hình tài chính :

##### a. Tình hình tài chính:

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
01	Tổng giá trị tài sản	43.727.994.237	43.649.906.747	99,82%
02	Doanh thu thuần	80.676.999.160	69.954.581.399	86,71%
03	Lợi nhuận từ hoạt động KD	5.437.080.020	4.069.883.363	74,85%
04	Lợi nhuận khác	115.666.802	431.229.194	
05	Lợi nhuận trước thuế	5.552.746.822	4.501.112.557	81,06%
06	Lợi nhuận sau thuế	4.440.244.097	3.601.991.516	81,12%

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2017	NĂM 2018	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,90	1,83	
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,53	1,22	
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,29	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,42	0,41	
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq)		13	9,52	
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		1,84	1,6	
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	5,50	5,15	
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	14,43	11,65	
3	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	10,15	8,25	
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,74	5,82	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần theo từng loại : 1.500.000 cổ phần, tất cả là cổ phần thường, không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phần phổ thông.

## b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
<b>1</b>	<b>Tổ chức trong nước</b>	<b>02</b>	<b>855.000</b>	<b>57,00</b>
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,00
1.2	Công ty CP Bê tông ly tâm An giang	1	390.000	26,00
<b>2</b>	<b>Tổ chức nước ngoài</b>	<b>02</b>	<b>3.500</b>	<b>0,23</b>
1.3	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	1	2.700	0,18
1.4	KT ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	1	800	0,05
<b>3</b>	<b>Cá nhân trong nước</b>	<b>142</b>	<b>641.500</b>	<b>42,66</b>
3.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	22	180.635	12,04
3.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	09	87.650	5,84
3.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	81	232.915	15,53
3.4	Cổ đông ngoài 3 Công ty liên kết	30	140.300	9,35
<b>4</b>	<b>Cá nhân người nước ngoài</b>	<b>01</b>	<b>1.600</b>	<b>0,11</b>
	<b>Tổng cộng(1+2)</b>	<b>147</b>	<b>1.500.000</b>	<b>100,00%</b>

Hiện tại tổng cộng cổ đông của Công ty có : 147 cổ đông

+ Trong nước : 141 cá nhân và 02 tổ chức

+ Nước ngoài : 01 cá nhân và 02 tổ chức

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : năm 2018 không có sự thay đổi nào

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : năm 2018 không có giao dịch nào.

e. Các chứng khoán khác : năm 2018 không có đợt phát hành nào.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2018: Doanh thu đạt 127,19 % kế hoạch; Lợi nhuận đạt 110,09 % kế hoạch. Là một hiệu quả đáng khích lệ và động viên cho hoạt động và nỗ lực hơn trong năm 2019.

Trong năm 2018, Do ảnh hưởng và bị thiệt hại của cơn bão cuối năm 2017. Công ty phải gián đoạn và khắc phục hậu quả kéo đến năm 2018 làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như của Công ty. Công ty đã ký kết được một số các hợp đồng thi công công trình và cung cấp cọc cừ, ống cống của công trình các Khu đô thị và khu dân cư mới thuộc tỉnh Khánh Hòa.

**2. Tình hình tài chính :****a. Tình hình tài sản :**

Năm 2018 có thực hiện đầu tư một số hạng mục (*chi tiết theo mục 3, II*) để phục vụ cho việc sản xuất đạt hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu về tiến độ của khách hàng.

Về nợ phải thu xấu: tính đến 31/12/2018 còn 09 (*chín*) đơn vị còn tồn đọng những năm trước, sau khi xem xét bảng phân tích tuổi nợ. Công ty quyết định trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi năm 2018 ( căn cứ theo tuổi nợ) cụ thể như sau:

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ TẠI 31/12/2018	SỐ TIỀN TRÍCH DỰ PHÒNG
01	Công ty CP Tư vấn Quản lý XD CMC	0	8.622.370
02	Công ty TNHH 1/5	23.469.976	4.693.995
	<b>CỘNG</b>	<b>23.469.976</b>	<b>13.316.365</b>

**b. Tình hình nợ phải trả :**

Năm 2018 tình hình tài chính và vốn lưu động của Công ty ổn định, vì vậy khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty không có vấn đề và biến động gì. Thực hiện nợ phải trả đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng cho nhà cung cấp.

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2018	01/01/2018
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>12.722.791.019</b>	<b>12.952.870.025</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	5.475.903.296	3.919.506.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.306.116.596	1.114.560.266
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	472.736.578	307.773.236
Phải trả người lao động	2.066.072.906	2.539.812.415
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.037.865.020	2.443.833.699
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.103.882.915	2.474.670.436
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	260.213.708	152.713.708
<b>Nợ dài hạn</b>		-
Phải trả người bán dài hạn		-
Phải trả dài hạn khác		-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.722.791.019</b>	<b>12.952.870.025</b>

c. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để thực hiện tốt kế hoạch năm 2019 và trong tương lai Công ty cần phát huy nội lực, góp phần hạn chế các tác động tiêu cực của các yếu tố khách quan Công ty cần thực hiện các giải pháp:

- Tổ chức tốt công tác sản xuất, điều chỉnh và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

- Quan tâm giải quyết nâng cao đời sống, tiền lương, thu nhập NLD. Có chế độ khen thưởng hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty nhằm khuyến khích, động viên kịp thời đội ngũ CB CNV hoàn thành kế hoạch được giao.

- Bảo đảm an toàn lao động, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy trình vận hành sản xuất, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động và rủi ro kinh doanh.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Trong tình hình chung, sau 10 năm ra đời và phát triển Công ty đã ổn định và khẳng định thương hiệu của mình sau một thời gian khó khăn, HĐQT đã thường xuyên, sâu sát kiểm tra, bàn bạc, chỉ đạo Công ty giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Năm 2017, HĐQT Công ty cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý và sự góp sức của tập thể NLD Công ty đã tiếp tục tổ chức tương đối tốt công tác sản xuất kinh doanh sản phẩm BTLT trên cơ sở thiết bị, công cụ đã được đầu tư, duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ cũng như điều hành các công tác quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và sự đoàn kết, cố gắng của tất cả CBCNV toàn Công ty trong năm qua đã cùng HĐQT hoàn thành tốt công tác xây dựng Nhà máy sản xuất, xây dựng Công ty và tổ chức khá tốt công tác sản xuất trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Năm 2018 Công ty tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thị trường địa phương và khu vực lân cận.

Một số dự án lớn đang được triển khai như :

- + Khu Chiller Và Canteen tại Phú Yên
- + Khu Nhà Máy Pymepharco tại Phú Yên
- + Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang
- + Khu Trung Tâm Thương Mại Du Lịch Nha Trang Seafoods 17
- + Tổ Hợp Khách Sạn Nha Trang Seafoods 17
- + Trụ Sở Làm Việc Đài Phát Thanh Truyền Hình Khánh Hòa
- + Nhà ở xã hội CT2, CT3 thuộc dự án Nhà ở xã hội lô NOXH-01
- + Tiếp tục công trình xây dựng Khu dân cư Thái Xuân
- + Cùng các công trình cơ sở hạ tầng, giao thông trên địa bàn .....

**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :**

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC – CN Nha Trang

**1. Ý kiến kiểm toán :**

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán :**

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: bảng CĐKT; Báo cáo KQHĐKD; Báo cáo LCTT; Bảng TMBCTC.(bảng chi tiết đính kèm)

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**Nguyễn Phước Vĩnh Khải**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.298.372.507</b>	<b>24.574.538.299</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>5.420.270.148</b>	<b>7.285.387.601</b>
1 Tiền	111		5.420.270.148	5.285.387.601
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.042.776.601</b>	<b>10.321.325.344</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.356.863.825	13.331.557.153
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	87.720.000	96.832.840
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	268.765.058	234.350.741
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.670.572.282)	(3.341.415.390)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.804.483.138</b>	<b>4.756.217.998</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.6	7.804.483.138	4.756.217.998
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.030.842.620</b>	<b>2.211.607.356</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	808.484.172	549.602.309
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	222.358.448	1.662.005.047
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.351.534.240</b>	<b>19.153.455.938</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.338.000</b>	<b>18.338.000</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216		18.338.000	18.338.000
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.624.476.930</b>	<b>18.917.376.604</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.048.982.076	16.278.289.286
- Nguyên giá	222		46.720.847.267	44.253.162.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.671.865.191)	(27.974.873.193)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.575.494.854	2.639.087.318
- Nguyên giá	228		3.309.623.271	3.309.623.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(734.128.417)	(670.535.953)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>708.719.310</b>	<b>217.741.334</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	708.719.310	217.741.334
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5 Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>43.649.906.747</b>	<b>43.727.994.237</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.722.791.019</b>	<b>12.952.870.025</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.722.791.019</b>	<b>12.952.870.025</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.475.903.296	3.919.506.265
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.306.116.596	1.114.560.266
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	472.736.578	307.773.236
4 Phải trả người lao động	314		2.066.072.906	2.539.812.415
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.037.865.020	2.443.833.699
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	2.103.882.915	2.474.670.436
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	260.213.708	152.713.708
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

T M C H A R A

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.927.115.728</b>	<b>30.775.124.212</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>30.927.115.728</b>	<b>30.775.124.212</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		13.225.124.212	13.184.880.115
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	421		2.701.991.516	2.590.244.097
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lỗ lũy kế) đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ kỳ này)	421b		2.701.991.516	2.590.244.097
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>43.649.906.747</b>	<b>43.727.994.237</b>



Nguyễn Thị Tuyết Loan  
Người lập biểu



Võ Trị  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2019

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.958.290.489	80.684.776.433
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.709.090	7.777.273
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>69.954.581.399</b>	<b>80.676.999.160</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	59.791.897.272	67.812.507.896
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.162.684.127</b>	<b>12.864.491.264</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	63.143.573	117.154.774
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	77.853.590	55.754.502
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.853.590	55.754.502
8 Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.921.990.440	5.172.093.216
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.156.100.307	2.316.718.300
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.069.883.363</b>	<b>5.437.080.020</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.8	431.264.724	117.866.950
12 Chi phí khác	32		35.530	2.200.148
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>431.229.194</b>	<b>115.666.802</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.501.112.557</b>	<b>5.552.746.822</b>
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	899.121.041	1.112.502.725
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.601.991.516</b>	<b>4.440.244.097</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.268	2.227



Nguyễn Thị Tuyết Loan  
Người lập biểu



Võ Trí  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.501.112.557</b>	<b>5.552.746.822</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.383.632.169	3.122.618.406
- Các khoản dự phòng	03		(670.843.108)	(318.907.241)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(272.482.573)	(117.154.774)
- Chi phí lãi vay	06		77.853.590	55.754.502
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.019.272.635</b>	<b>8.295.057.715</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.389.038.450	(6.710.995.322)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.048.265.140)	1.113.162.737
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.053.112.526)	(2.539.557.690)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(749.859.839)	(379.318.765)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.853.590)	(55.754.502)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.683.090.670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.092.500.000)	(1.574.925.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.386.719.990</b>	<b>(3.535.421.497)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.153.532.495)	(3.905.311.952)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		209.339.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.143.573	117.154.774
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.881.049.922)</b>	<b>(3.788.157.178)</b>

KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		3.500.964.395	6.919.448.044
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.871.751.916)	(4.444.777.608)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.370.787.521)</b>	<b>974.670.436</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.865.117.453)</b>	<b>(6.348.908.239)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>7.285.387.601</b>	<b>13.634.295.840</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>5.420.270.148</b>	<b>7.285.387.601</b>



Nguyễn Thị Tuyết Loan  
Người lập biểu



Võ Trí  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Vốn cổ phần do các Cổ đông đóng góp.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Hình thức Kế toán: Nhật ký chung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



## 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### *Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không khấu hao khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

#### *Bản quyền, bằng sáng chế*

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

### **6. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Thực tế tại đơn vị:

- Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ theo thời gian thực tế sử dụng nhưng tối đa không quá 01 năm.
- Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian thực tế sử dụng nhưng tối đa không quá 03 năm.

### **9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **9. Chi phí tiền lương**

Quý lương được trích lập theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa. Theo đó:

- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm bê tông ly tâm sản xuất là 200 đồng/1.000 đồng doanh thu sản phẩm bê tông (không bao gồm doanh thu vận chuyển).
- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu bán nguyên vật liệu là 200 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu xuất cọc thi công là 200 đồng/1.000 đồng doanh thu (không bao gồm doanh thu vận chuyển).
- Đơn giá tiền lương đối với hoạt động doanh thu thương mại 30 đồng/1.000 đ doanh thu.



- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu vận chuyển là 10 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương hoạt động dịch vụ (gồm vận chuyển cọc đến công trình và ép cọc thi công) là: 10 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm gia công cơ khí và xây lắp, quỹ lương được trích theo tiền nhân công của quyết toán sản phẩm hoặc công trình.

#### 10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### 11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ *Quỹ Đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

➤ *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

### 13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

### 14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay

### 16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	59.695.223	23.770.151
Tiền gửi ngân hàng	5.360.574.925	5.261.617.450
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.420.270.148</b>	<b>7.285.387.601</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>10.790.223.827</b>	<b>12.846.556.147</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	619.136.760
Công ty Cổ phần QL & XD Đường Bộ Khánh Hòa	1.302.052.386	6.400.000
CN Công ty CP PNN và Đô Thị Hud Nha Trang-XN1	-	1.355.068.621
Công ty Cổ phần Đầu tư VCN	27.350.000	1.321.493.236
Công ty TNHH ĐT PT Nhà Thái Xuân	736.000.000	1.864.840.000
Công ty TNHH SX - TM - XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	1.435.121.603
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Đô Thị UDIC	1.518.214.800	-
Các khách hàng khác	6.002.348.278	6.244.495.927
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>566.639.998</b>	<b>485.001.006</b>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	566.639.998	485.001.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.356.863.825</b>	<b>13.331.557.153</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Chứng nhận VIETCERT	-	34.650.000
Các đối tượng khác	87.720.000	62.182.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.720.000</b>	<b>96.832.840</b>

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu thuế TNCN	124.238.532	154.906.450
Tạm ứng cho nhân viên	30.000.000	15.000.000
Phải thu khác	114.526.526	64.444.291
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>268.765.058</b>	<b>234.350.741</b>

**5. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu của khách hàng</b>				
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	-	619.136.760	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3	409.658.812	-	409.658.812	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1.02	553.178.470	-	553.178.470	-
Các khách hàng khác	1.095.639.233	-	1.759.441.348	222.951.565
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.677.613.275</b>	<b>-</b>	<b>3.341.415.390</b>	<b>222.951.565</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.263.112.360	-	2.232.283.175	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	85.800.909	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	764.135.177	-	105.101.057	-
Thành phẩm	4.191.244.759	-	2.019.085.766	-
Hàng hóa	585.990.842	-	313.947.091	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.804.483.138</b>	<b>-</b>	<b>4.756.217.998</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.000.417	8.654.548
Chi phí thuê văn phòng và chi phí sửa chữa	772.483.755	540.947.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>808.484.172</b>	<b>549.602.309</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	222.358.448	617.043.150
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	3.218.481
Khoản thuế khác	-	1.041.743.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>222.358.448</b>	<b>1.662.005.047</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	14.528.159.309	23.871.575.470	5.853.427.700	44.253.162.479
Mua trong năm	-	1.007.657.000	-	1.007.657.000
Xây dựng cơ bản	-	2.083.075.495	-	2.083.075.495
Tặng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(623.047.707)	-	(623.047.707)
Số cuối năm	14.528.159.309	26.339.260.258	5.853.427.700	46.720.847.267
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	5.349.286.522	17.399.531.328	5.226.055.343	27.974.873.193
Khấu hao trong năm	689.627.820	1.469.698.633	160.713.252	2.320.039.705
Thanh lý, nhượng bán	-	(623.047.707)	-	(623.047.707)
Số cuối năm	6.038.914.342	18.246.182.254	5.386.768.595	29.671.865.191
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	9.178.872.787	6.472.044.142	627.372.357	16.278.289.286
Số cuối năm	8.489.244.967	8.093.078.004	466.659.105	17.048.982.076

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 8.307.480.278 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 17.771.990.823 đồng.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Bản quyền, sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.179.623.271</u>	<u>130.000.000</u>	<u>3.309.623.271</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	540.535.953	130.000.000	670.535.953
Khấu hao trong năm	63.592.464	-	63.592.464
Số cuối năm	<u>604.128.417</u>	<u>130.000.000</u>	<u>734.128.417</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	2.639.087.318	-	2.639.087.318
Số cuối năm	<u>2.575.494.854</u>	<u>-</u>	<u>2.575.494.854</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 130.000.000 đồng.

(\*): Là Quyền sử dụng đất tại lô C5,C6,C7,C8 khu Công nghiệp vừa và nhỏ Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 387321 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009. Thời hạn thuê đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2058, diện tích 19.190,9 m2.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.178.029	11.341.666
Chi phí khác và chi phí sửa chữa	688.541.281	206.399.668
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>708.719.310</u></b>	<b><u>217.741.334</u></b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>4.538.703.296</b>	<b>3.919.506.265</b>
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh doanh Vật liệu xây lắp Fico	-	334.746.940
Công ty Cổ phần kỹ Thuật Nền Móng	1.931.181.500	1.446.446.000
Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	542.493.000	604.033.200
Công ty TNHH MTV Chánh Hằng- CN Nha Trang	356.726.649	74.250.500
Các đối tượng khác	1.708.302.147	1.460.029.625
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>937.200.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang	937.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.475.903.296</u></b>	<b><u>3.919.506.265</u></b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Ô Tô Trường Hải	651.953.800	651.953.800
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng HUD 1	89.159.199	202.470.107
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Cầu Đường Số 18.6	213.493.995	-
CN Công ty Cổ phần ACC - 243 tại Nha Trang	155.034.000	-
Các đối tượng khác	196.475.602	260.136.359
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.306.116.596</b>	<b>1.114.560.266</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm/ Điều chỉnh khác	Số đã nộp trong năm/ Điều chỉnh khác	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	307.773.236	1.837.387.465	1.699.854.444	445.306.257
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	(617.043.150)	899.121.041	504.436.339	(222.358.448)
Thuế Thu nhập cá nhân (*)	(3.218.481)	346.627.008	315.978.206	27.430.321
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	72.774.378	72.774.378	-
Các loại thuế khác	(1.041.743.416)	1.044.743.416	3.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.354.231.811)</b>	<b>4.200.653.308</b>	<b>2.596.043.367</b>	<b>250.378.130</b>

(\*): Số cuối năm bên Nợ của khoản này trình bày tại Thuyết minh V.8.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh IV.17 và thuyết minh VI.9.

**Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	21.315.666	9.820.888
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.016.549.354	2.434.012.811

Trong đó:

- Cổ tức phải trả	-	750.000.000
+ Công ty CP Điện Lực Khánh hòa	-	232.500.000
+ Công ty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang	-	195.000.000
+ Nhóm cổ đông khác	-	322.500.000
- Tiền hoa hồng bán hàng	284.858.142	986.577.123
- Khoản khác	731.691.212	697.435.688
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.037.865.020</b>	<b>2.443.833.699</b>

#### 16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa (*)	2.474.670.436	3.500.964.395	3.871.751.916	2.103.882.915
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.474.670.436</b>	<b>3.500.964.395</b>	<b>3.871.751.916</b>	<b>2.103.882.915</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ("BIDV Khánh Hòa") theo Hợp đồng số 01/2018/2525898/HĐTD ngày 8/6/2018 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Khánh Hòa trong từng thời kỳ, lãi suất cho vay từ 27/12/2018 đến 01/03/2019 là 6,5%;

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- Thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 01/07/2013.
- Thế chấp toàn bộ Máy móc thiết bị thuộc Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2013/HĐTC ngày 01/07/2013.
- Thế chấp, cầm cố các tài sản khác của Bên vay/ Bên thứ ba (nếu có) và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.
- Thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác.

#### 17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	152.713.708	227.638.708
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.200.000.000	1.500.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.092.500.000)	(1.574.925.000)
Số cuối năm	260.213.708	152.713.708



**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	15.000.000.000	9.170.969.377	5.913.910.738	30.084.880.115
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.440.244.097	4.440.244.097
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	4.013.910.738	(4.013.910.738)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Số cuối năm	<u>15.000.000.000</u>	<u>13.184.880.115</u>	<u>2.590.244.097</u>	<u>30.775.124.212</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	15.000.000.000	13.184.880.115	2.590.244.097	30.775.124.212
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.601.991.516	3.601.991.516
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	700.000.000	(700.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(659.755.903)	659.755.903	-
Số cuối năm	<u>15.000.000.000</u>	<u>13.225.124.212</u>	<u>2.701.991.516</u>	<u>30.927.115.728</u>

**18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	4.650.000.000	31%	4.650.000.000	31%
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang	3.900.000.000	26%	3.900.000.000	26%
Các cổ đông khác	6.450.000.000	43%	6.450.000.000	43%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>15.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>100%</u>

**18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
<b>Cổ tức [lợi nhuận] đã trả</b>		
Cổ tức đã công bố	2.250.000.000	2.250.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	3.000.000.000	1.500.000.000

Trong năm, Công ty đã chi trả toàn bộ cổ tức cho các cổ đông với số tiền 3.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 17/2018/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

**18.4. Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng/1 cổ phiếu

**18.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư và phát triển	13.225.124.212	13.184.880.115
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>13.225.124.212</b></u>	<u><b>13.184.880.115</b></u>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng hóa	1.934.711.218	3.374.997.186
Doanh thu bán thành phẩm bê tông ly tâm	40.411.186.450	51.346.322.620
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	39.052.804	118.119.027
Doanh thu cung cấp cọc thi công	16.298.075.272	12.914.543.349
Doanh thu hoạt động dịch vụ ép cọc	11.275.264.745	12.930.794.251
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.958.290.489</b>	<b>80.684.776.433</b>

*Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan:*

*Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa  
Cộng*

2.350.609.072	3.683.638.855
<b>2.350.609.072</b>	<b>3.683.638.855</b>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hàng bán bị trả lại	3.709.090	7.777.273
	<b>3.709.090</b>	<b>7.777.273</b>

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.502.807.362	2.828.449.583
Giá vốn của thành phẩm bê tông ly tâm đã bán	31.914.169.828	40.111.859.692
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	20.475.529	56.609.371
Giá vốn cung cấp cọc thi công	15.329.326.567	11.997.038.209
Giá vốn hoạt động dịch vụ ép cọc	11.025.117.986	12.818.551.041
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.791.897.272</b>	<b>67.812.507.896</b>

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.143.573	117.154.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.143.573</b>	<b>117.154.774</b>

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	77.853.590	55.754.502
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.853.590</b>	<b>55.754.502</b>

**6. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Chủ yếu là chi phí vận chuyển và hoa hồng bán hàng. Chi tiết theo khoản mục chi phí như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.262.633.817	3.436.859.064
Chi phí bằng tiền khác	659.356.623	1.735.234.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.921.990.440</b>	<b>5.172.093.216</b>

**7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.268.843.328	1.273.938.705
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.686.749	40.312.123
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	58.488.732	58.488.732
Thuế, phí và lệ phí	48.315.541	135.362.499
Chi phí dự phòng	13.316.365	(318.907.241)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.875.734	142.963.533
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	630.573.858	984.559.949
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.156.100.307</b>	<b>2.316.718.300</b>

**8. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	277.727.274	-
Các khoản khác	153.537.450	117.866.950
	<b>431.264.724</b>	<b>117.866.950</b>



**9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.501.112.557</b>	<b>5.552.746.822</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>161.187.530</b>	<b>130.955.148</b>
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	88.000.000	120.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	73.187.530	10.955.148
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.662.300.087</b>	<b>5.683.701.970</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất phổ thông	932.460.017	1.136.740.394
Điều chỉnh thuế TNDN do hoàn nhập dự phòng năm trước	(33.338.976)	(24.237.669)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>899.121.041</b>	<b>1.112.502.725</b>

**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	3.601.991.516	4.440.244.097
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(200.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.401.991.516</b>	<b>3.340.244.097</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.268</b>	<b>2.227</b>

(\*): Số năm trước đã được điều chỉnh so với Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán do trong năm 2018 Công ty trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập bổ sung là 1.000.000.000 đồng, làm Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 2.893 đồng/Cổ phiếu xuống còn 2.227 đồng/Cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là số tạm tính do đơn vị chỉ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018, số thực tế sẽ điều chỉnh lại sau khi Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	30.933.157.708	29.780.095.956
Chi phí nhân công	12.750.619.043	13.645.978.563
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.383.632.169	3.122.618.406
Chi phí dự phòng	13.316.365	(318.907.241)
Chi phí cung cấp cọc, hoạt động dịch vụ và ép cọc	26.354.444.553	24.827.565.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.957.178.159	6.147.425.325
Các chi phí khác bằng tiền	2.690.172.871	4.537.125.298
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.082.520.868</b>	<b>81.741.901.371</b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 31%)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 26%)
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm 2018</i>	<i>Năm 2017</i>
<b>Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa</b>		
Bán hàng	2.350.609.072	4.052.002.745
Thu tiền hàng	2.504.031.004	3.797.901.726
Mua hàng	51.272.000	51.268.000
Thanh toán tiền hàng	51.272.000	51.268.000
Trả cổ tức	930.000.000	465.000.000
Phải trả cổ tức	-	232.500.000
<b>Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang</b>		
Mua hàng	2.361.398.039	2.607.352.000
Thanh toán tiền hàng	1.424.198.039	2.607.352.000
Trả cổ tức	780.000.000	390.000.000
Phải trả cổ tức	-	195.000.000
<b>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy chế	1.610.298.190	1.911.515.891

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

	<i>31/12/2018</i>	<i>31/12/2017</i>
Phải thu tiền bán hàng của Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	566.639.998	485.001.006
Phải trả tiền mua hàng cho Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	937.200.000	-

### 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

#### **Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các công cụ tài chính khác

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	2.103.882.915	-	2.103.882.915
Phải trả người bán	-	5.475.903.296	-	5.475.903.296
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	-	1.037.865.020	-	1.037.865.020
	-	<b>8.617.651.231</b>	-	<b>8.617.651.231</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	2.474.670.436	-	2.474.670.436
Phải trả người bán	-	3.919.506.265	-	3.919.506.265
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	-	2.443.833.699	-	2.443.833.699
	-	<b>8.838.010.400</b>	-	<b>8.838.010.400</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

102  
Y  
10A  
NH  
NG  
HAP



**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>		
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	11.356.863.825	(2.670.572.282)		8.686.291.543
Phải thu khác	268.765.058	-		268.765.058
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.420.270.148	-		5.420.270.148
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.045.899.031</b>	<b>(2.670.572.282)</b>		<b>14.375.326.749</b>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	2.103.882.915	2.474.670.436	2.103.882.915	2.474.670.436
Phải trả người bán	5.475.903.296	3.919.506.265	5.475.903.296	3.919.506.265
Phải trả khác	1.037.865.020	2.443.833.699	1.037.865.020	2.443.833.699
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.617.651.231</b>	<b>8.838.010.400</b>	<b>8.617.651.231</b>	<b>8.838.010.400</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Tuyết Loan  
Người lập biểu



Võ Trí  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2019